TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HC-PT
Ngày: 10/01/2023
V/V: Khởi kiện Quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Ông Nguyễn Tất Nam.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 119/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 4 năm 2022 về "Khởi kiện Quyết định hành chính".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12317/2022/QĐPT-HC ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện***: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lâm Quang N, Công ty luật TNHH H, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Số X đường P, phường B, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người bị kiện:***

- UBND huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

- Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải T, Phó Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Xã N, huyện D, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

2. Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1970;

3. Anh Hoàng Mạnh H, sinh năm: 1992;

4. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1991;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Hoàng Văn L thể hiện:

Năm 2018, gia đình ông nhận được quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông là 337m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giải phóng mặt bằng khu tái định cư tuyến đường Quốc lộ 2C. Khi thu hồi đất, Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện bồi thường, hỗ trợ tiền đất và hoa màu trên đất, chuyển đổi nghề cho gia đình ông tổng số tiền là 60.720.480 đồng và giải phóng mặt bằng, bán đấu giá hết đất thu hồi của gia đình ông, nhưng gia đình ông không đồng ý nên đến nay vẫn chưa nhận tiền bồi thường.

Gia đình ông có 06 nhân khẩu, công việc chính là làm nông nghiệp trồng lúa, nên khi Nhà nước thu hồi đất thì gia đình ông mất hết việc làm (gia đình ông chỉ còn đất ở và đất vườn không nhớ diện tích và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đồng thời, mức bồi thường, hỗ trợ tái định cư với mức giá 39.000 đồng/m^2 đất trồng lúa giá là quá thấp so với tình hình phát triển kinh tế hiện nay, hơn nữa giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở địa bàn xã Sơn Nam là 800 triệu đồng/ lô đất, nên so với giá hỗ trợ bồi thường mà ông nhận được là quá thấp. Do đó, ông đề nghị được mua 01 lô đất tái định cư với giá 800 triệu đồng trên đất thu hồi, nếu không còn đất thì ông đề nghị UBND huyện bán cho ông 01 lô đất gần nhà ông để gia đình ông chuyển đổi nghề nghiệp hoặc bồi thường 337m^2 đất đã thu hồi của ông bằng giá trị 01 lô đất đã đấu giá là 800 triệu đồng, nhưng không được chấp nhận. Ngoài ra, ông cho rằng quá trình thu hồi đất UBND huyện S có nhiều sai phạm, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, nên ông Hoàng Văn L đã có đơn khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S.

- Hủy Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi đất công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S.

- Hủy Quyết định số 7145/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn L, thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện người bị kiện trình bày*:**

* Về việc quy hoạch xây dựng chi tiết khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thôn M, xã N, huyện D, tỉnh Tuyên Quang:

Căn cứ Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND huyện S về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã N, huyện S giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện S về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm cụm xã N, huyện S định hướng phát triển đến năm 2020.

Ngày 13/5/2016, UBND huyện S ban hành Quyết định số 199/QĐ-UBND điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C. Mục tiêu chủ yếu là chia lô khu đất dân cư để giao đất ở cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu với tổng diện tích lập quy hoạch là 13.658 m^2 (đất khu dân cư giao mới 3.642 m^2, đất dân cư điều chỉnh 1.065 m^2, đất đường, hành lang đường 5.922 m^2, đất mương cấp thoát nước 1.207 m^2, đất hành lang lưới điện 120 m^2, đất dự trữ phát triển 1.280 m^2 và đất xây dựng trụ sở cơ quan 602 m^2). Toàn bộ diện tích đã đấu giá đất nằm trong phạm vi 5.421,7 m^2 đất thu hồi của 28 hộ gia đình, cá nhân nêu trên, diện tích này nằm ngoài ranh giới quy hoạch khu tái định cư dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C.

Quy hoạch xây dựng khu dân cư mới, sử dụng nguồn vốn ngân sách huyện để thực hiện quy hoạch không liên quan đến dự án khu tái định cư của dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C trước đây *(dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C có nguồn gốc của Bộ Giao thông vận tải đã quyết toán xong năm 2016)*.

Nhưng do UBND huyện S phê duyệt tên công trình trong hồ sơ quy hoạch là điều chỉnh, mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C nên dẫn đến cách hiểu khác nhau, một số hộ dân bị thu hồi đất cho rằng đây là việc tiếp tục thực hiện dự án tái định cư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C trước đây, nhưng lại tổ chức bán đấu giá, không phải là để giao đất cho các hộ bị di chuyển do nhà nước thu hồi đất phải bố trí tái định cư.

* Về việc thu hồi đất và giải phóng mặt bằng đối với diện tích điều chỉnh mở rộng khu tái định cư:

- Trình tự, thủ tục thu hồi đất, giải phóng mặt bằng:

Căn cứ quy hoạch chi tiết được duyệt, UBND huyện S đã tổ chức thu hồi 5.421,7 m^2 đất trồng lúa của 28 hộ gia đình đang sử dụng tại xã Sơn Nam, huyện S tại Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 09/8/2018, với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 1.396.973.000 đồng, trong đó, kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 28 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi là 1.363.373.300 đồng.

Về hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng khu tái định cư công trình điều chỉnh, mở rộng khu tái định cư Quốc lộ 2C, xã N:

+ Trình tự các bước thực hiện: Thực hiện đủ 10 bước theo quy định tại Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang;

+ Thời gian thực hiện từ khi ban hành thông báo thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định thu hồi đất đối với đất nông nghiệp: Đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 (tối thiểu 90 ngày, thực tế thực hiện là 195 ngày).

+ Công khai thông báo thu hồi đất: Đã thực hiện niêm yết thông báo thu hồi đất tại địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

+ Thông báo lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường: Đã tổ chức họp, niêm yết và kết thúc niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai và Điều 14 Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

+ Thông báo công khai quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường: Đã tổ chức họp công khai theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

Như vậy, trình tự, thủ tục UBND huyện S thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về ý kiến, kiến nghị của hộ dân bị thu hồi đất trong quá trình thực hiện công tác thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng:

+ Tại các buổi họp công khai lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường ngày 19/4/2018, và biên bản kết thúc công khai ngày 21/5/2018; biên bản công khai quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường ngày 14/8/2018, các hộ bị thu hồi đất nông nghiệp đề nghị được ưu tiên mua 01 lô đất ở quy hoạch không thông qua hình thức đấu giá với mức giá 500.000.000 đồng/lô.

Nội dung này đã được Chủ tịch UBND huyện (Chủ tịch Hội đồng bồi thường huyện S) đã trả lời trực tiếp tại buổi họp ngày 18/01/2019, cụ thể: "Nội dung các hộ bị thu hồi đất nông nghiệp đề nghị được ưu tiên mua 01 lô đất ở quy hoạch không thông qua hình thức đấu giá với mức giá 500.000 đồng/lô là không có căn cứ để giải quyết".

+ Tại đơn của ông Hoàng Văn L và các hộ có đất bị thu hồi có nhiều nội dung kiến nghị liên quan đến việc thu hồi đất, đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư tại thôn M, xã N, cụ thể:

Về nội dung giá bồi thường đất trồng lúa 39.000 đồng/m^2 là thấp so với tình hình phát triển kinh tế xã hội hiện nay; phê duyệt giá khởi điểm đấu giá lên 800.000.000 đồng/lô (giá đền bù cho những hộ mất hết ruộng canh tác quá thấp mà giá nhà nước chia lô bán đất nền quá cao); dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C, ngân sách thu về từ bán đấu giá sử dụng vào đâu; nguyện vọng của 21 hộ

dân bị thu hồi hết ruộng đợt này xem xét tạo điều kiện được ưu tiên mua lại một lô tại vị trí đất bị thu hồi với giá thấp nhất, không theo giá sàn, không phải thông qua đấu giá, tạo điều kiện cho những gia đình hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được ổn định và cải thiện cuộc sống theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; nhiều việc làm có nhiều nghi vấn, sai quy trình về pháp luật khiếu nại của Thanh tra huyện S: Những nội dung này đã được UBND huyện S trả lời các hộ dân tại Văn bản số 768/UBND-TNMT ngày 22/4/2019, Văn bản số 2420/UBND-TNMT ngày 22/10/2019 và tiếp tục được làm rõ tại Quyết định số 7145/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S.

Về nội dung chưa xác định làm rõ hành vi lập khống biên bản kiểm kê đất đai và tài sản trên đất của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện S; xác minh, làm rõ chữ ký của đại diện 21 hộ dân trong biên bản kiểm kê đất đai và tài sản trên đất quy hoạch công trình, cho rằng lập khống biên bản và giả mạo chữ ký: Quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự án, UBND huyện S đã công khai phương án bồi thường, hỗ trợ đến người bị thu hồi đất theo quy định, thời điểm kết thúc công khai phương án các hộ bị thu hồi đất không có ý kiến, kiến nghị. Như vậy, quyền lợi của nhân dân không bị ảnh hưởng nên việc đề nghị "làm rõ hành vi lập khống biên bản kiểm kê đất đai và tài sản trên đất của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sơn Dương; xác minh, làm rõ chữ ký của đại diện 21 hộ dân trong biên bản kiểm kê đất đai và tài sản trên đất quy hoạch công trình, cho rằng lập khống biên bản và giả mạo chữ ký" là không có căn cứ để giải quyết.

- Việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:

Căn cứ điểm d Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai quy định: *"d) Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.*

Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật này".

Tại các biên bản tuyên truyền vận động (Biên bản ngày 10/10/2018, ngày 24/10/2018, ngày 30/10/2018) của UBND xã N, Uỷ ban Mặt trận Tổ Quốc xã N và các thành phần có liên quan đến từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi là đối tượng phải cưỡng chế, Tổ công tác tuyên truyền đã phân tích, giải thích, vận động các hộ gia đình thực hiện theo chế độ chính sách hiện hành, nhưng các hộ có đất thu hồi không nhất trí. Căn cứ quy định của pháp luật nêu trên, ngày 25/3/2019, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1519/QĐ-UBND tổ chức cưỡng chế thu hồi đất công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C, xã N, huyện S, đồng thời, tiếp tục

tổ chức tuyên truyền thể hiện tại các biên bản từ ngày 02/4/2019 đến ngày 08/4/2019 nhưng các hộ vẫn không nhất trí.

Như vậy, UBND huyện và UBND xã N đã thực hiện việc tuyên truyền, vận động đối với các hộ có đất bị thu hồi đảm bảo theo quy định của pháp luật.

* Về việc tổ chức thực hiện đấu giá đất ở tại thôn M, xã N:

Ngày 16/7/2019, UBND huyện S ban hành Phương án số 260/PA-UBND để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất. Kết quả đã thực hiện đấu giá 24 lô đất (từ lô 5 đến lô 28), trong đó đấu giá thành 23/24 lô, với số tiền là 28.336.653.600 đồng (tiền thu nộp vào ngân sách huyện).

Trình tự, thủ tục và nội dung thực hiện thì Thanh tra tỉnh đã kiểm tra đánh giá là cơ bản đúng quy định của pháp luật và báo cáo UBND tỉnh tại Văn bản số 219/BC-TTr ngày 23/12/2019 về kết quả kiểm tra công tác tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện S năm 2019.

Như vậy, UBND huyện S đã tổ chức thực hiện thủ tục thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, cưỡng chế thu hồi đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện quy hoạch, đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư tại thôn M, xã N, huyện S đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành. Quá trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ có một số ý kiến, kiến nghị, phản ánh của nhân dân đã được UBND huyện S làm rõ và trả lời nhân dân. Đồng thời UBND huyện S đã chỉ đạo các cơ quan tổ chức nhiều lần tuyên truyền, giải thích vận động hộ dân có đất bị thu hồi bàn giao mặt bằng cho nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc đấu giá quyền sử dụng đất ở thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, đáp ứng nhu cầu đất ở của tổ chức, cá nhân, tăng nguồn thu tiền sử dụng đất cho ngân sách huyện.

Ngoài ra, căn cứ quyết định số 925/QĐ-CT ngày 26/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình hệ thống cơ sở hạ tầng khu tái định cư Quốc lộ 2C, huyện S, UBND huyện S đã tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 7445/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 trong đó tên của đồ án quy hoạch là: Quy hoạch khu tái định cư dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình thực hiện đầu tư xây dựng đối với công tác quy hoạch có 02 lần được UBND huyện điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với tình hình thực tế (lần 1: Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND huyện S; Lần 2: Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 13/5/2016). Cả 2 lần điều chỉnh quy hoạch vẫn giữ nguyên (không thay đổi) tên của đồ án quy hoạch là: Quy hoạch khu tái định cư dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Đối với dự án đầu tư xây dựng: Có 03 dự án riêng biệt được UBND huyện quyết định đầu tư (Dự án thứ nhất tại Quyết định số 2558/QĐ-UBND ngày 22/8/2013; Dự án thứ hai tại Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 27/5/2016; Dự án thứ ba tại quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 26/01/2018) cả 03 dự án trên đều được UBND huyện triển khai theo đúng quy định hiện hành.

Quá trình kiểm kê đất đai, tài sản, cây trồng tại thực địa thành phần gồm có cán bộ của Chi nhánh phát triển quỹ đất, đại diện chủ đầu tư, đại diện UBND xã N, công chức địa chính xã, trưởng thôn, đại diện những người có đất bị thu hồi và các hộ gia đình có đất đai, tài sản, cây cối nằm trong phạm vi quy hoạch công trình cùng trực tiếp kiểm tra, đối chiếu thực tế thửa đất, tài sản cây trồng trên đất với trích lục bản đồ thu hồi đất và các giấy tờ về quyền sử dụng đất để xác định diện tích, loại đất thu hồi, tài sản cây trồng trên đất của từng chủ sử dụng; biên bản kiểm kê được lập thành 2 bản có chữ ký xác nhận từng trang và công khai kết quả kiểm kê đến từng hộ gia đình (gia đình lưu giữ 1 bản). Trong suốt quá trình kiểm kê, họp xét của Hội đồng bồi thường và thời gian công khai lấy ý kiến dự thảo phương án bồi thường, các hộ gia đình đều không có ý kiến vướng mắc gì. Về nội dung xác minh, làm rõ chữ ký của các hộ gia đình trong biên bản kiểm kê đất đai và tài sản trên đất quy hoạch đã được cơ quan Thanh tra huyện phối hợp với các cơ quan liên quan xác minh, làm rõ tại biên bản làm việc ngày 20/9/2019.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện UBND xã N trình bày*:** UBND xã N không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định và không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T, anh Hoàng Mạnh H, chị Nguyễn Thị Q trình bày: Nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và không có yêu cầu độc lập.

Ngày 02/8/2021, ông Hoàng Văn L có đơn đề nghị trưng cầu giám định đối với chữ ký "L" tại Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản trên đất quy hoạch Công trình: Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang ngày 22/3/2018. Tại quyết định số 08/2021/QĐ-TCGĐ ngày 23/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang giám định chữ ký của ông Hoàng Văn L tại biên bản kiểm kê.

Ngày 06/9/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang có kết luận giám định số 773/GĐ-KTHS, nội dung kết luận về đối tượng giám định:

Các chữ ký "L", chữ viết ghi "Hoàng Văn L" dưới mục "CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT" và chữ ký (dạng chữ viết) "L" tại cuối các trang trên "BIÊN BẢN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT QUY HOẠCH Công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S đề ngày 22/3/2018 (ký hiệu A1) với chữ ký "L" trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M4 không phải do cùng một người ký và viết.

Chữ ký "L", chữ viết ghi tên "Hoàng Văn L" dưới mục "CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT" và chữ ký (dạng chữ viết) "L" tại cuối các trang trên "BIÊN BẢN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT QUY HOẠCH Công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S đề ngày 22/3/2018 (ký hiệu A1) với chữ ký "L" trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 là do cùng một người ký và viết.

Chữ ký "L", chữ viết ghi tên "Hoàng Văn L" dưới mục "CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT" và chữ ký dạng chữ viết "L" tại cuối các trang trên "BIÊN BẢN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT QUY HOẠCH Công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S đề ngày 22/3/2018 (ký hiệu A1) là chữ ký trực tiếp.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 344, Điều 345, Điều 348, Điều 344, Điều 345; Điều 348; Điều 362 và Điều 363 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 61, 62, 63, 66, 67, 69, 74, 75 và Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13; Điều 14, Điều 18; Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Luật Khiếu nại năm 2011; Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L về việc:

- Tuyên hủy Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi đất công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S.

- Tuyên hủy Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S.

- Tuyên hủy Quyết định số 7145/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn L, thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2021, Tòa án nhận được đơn kháng cáo ghi ngày 24/9/2021của người khởi kiện là ông Hoàng Văn L đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đều vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; người bị kiện, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Do đó, đề nghị

Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn L, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/9/2021, người khởi kiện là ông Hoàng Văn L gửi Bưu điện đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang là trong thời hạn nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về đối tượng và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 31/12/2019, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 7145/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn L, thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Ngày 18/8/2020, ông Hoàng Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính nêu trên là đúng đối tượng theo quy định tại Điều 3 và trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Các Quyết định số 294/QĐ-UBND về việc thu hồi đất công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S; Quyết định số 290/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện Sơn Dương, cùng ngày 09/8/2018; Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 về việc tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đều của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang là các quyết định hành chính liên quan, nên cần được xem xét trong cùng vụ án theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Hoàng Văn L:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính:

[3.1.1] Đối với Quyết định số 290/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 294/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cùng ngày 09/8/2018:

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2017 các

huyện, thành phố, trong đó có dự án mở rộng khu tái định cư Quốc lộ 2C đoạn xã N; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa VXIII (kỳ họp thứ 4) bổ sung danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trong đó có công trình Mở rộng khu tái định cư Quốc lộ 2C đoạn xã N; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường giải phóng mặt bằng một số công trình trên địa bàn huyện S.

Ngày 13/02/2018, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát đo đạc kiểm đếm công trình: Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 2C xã N, huyện S. Ngày 28/02/2018, UBND huyện S ban hành Thông báo số 17/TB-UBND để thông báo việc thu hồi đất công trình: Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S (có danh sách chủ sử dụng đất và thông tin dự kiến thu hồi kèm theo, trong đó có hộ ông Hoàng Văn L). Ngày 01/3/2018, Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện S cùng các cơ quan, đơn vị xác định mốc giới, phạm vi giải phóng mặt bằng xây dựng công trình. Ngày 02/3/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S. Ngày 05/3/2018, UBND huyện S đã tiến hành công khai thông báo thu hồi đất, triển khai các quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S. Ngày 22/3/2018, UBND huyện đã tiến hành kiểm kê đất đai và tài sản trên đất quy hoạch của hộ ông Hoàng Văn L. Ngày 05/4/2018, Hội đồng bồi thường tổ chức họp xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trong đó có hộ ông Hoàng Văn L. Ngày 19/4/2018, UBND huyện S đã công khai lấy ý kiến dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S (niêm yết công khai dự thảo Phương án bồi thường từ ngày 19/4/2018 đến ngày 16/5/2018), có 28 hộ cá nhân gia đình nhất trí.

Sau khi Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 143/TTr-TNMT về việc đề nghị thu hồi đất và Tờ trình số 144/TTr-TNMT về việc đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư Công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S, cùng ngày 06/8/2018, Ủy ban nhân dân huyện S đã thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất và Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân trong đó có hộ ông Hoàng Văn L đúng theo quy định tại các Điều 61, 62, 63, 66, 67, 69, 74 và Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất

đai; Điều 7, Điều 14, Điều 19 Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

Như vậy, UBND huyện S ban hành các Quyết định số 290/QĐ-UBND; Quyết định số 294/QĐ-UBND cùng ngày 09/8/2018 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

[3.1.2] Đối với Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 về việc tổ chức cưỡng chế thu hồi đất:

Sau khi có các quyết định về thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, nhưng các hộ dân trong đó có hộ ông L không nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Trong các ngày 10/10/2018, ngày 24/10/2018, ngày 30/10/2018, UBND huyện S, UBND xã N đã tiến hành phân tích, giải thích, vận động các hộ gia đình thực hiện theo chế độ chính sách hiện hành, nhưng các hộ có đất thu hồi trong đó có hộ ông L không nhất trí. Ngày 25/3/2019, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1519/QĐ-UBND tổ chức cưỡng chế thu hồi đất công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C, xã N, huyện S là đúng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai; Điều 21 Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

[3.1.3] Đối với Quyết định số 7145/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn L và ông Trần Văn C (đại diện 20 hộ dân khiếu nại), Chủ tịch UBND huyện S đã thành lập Đoàn xác minh để tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại theo quy định. Ngày 31/12/2019, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 7145/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn L, thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại số 7145/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[3.2] Về nội dung:

Căn cứ quyết định số 925/QĐ-CT ngày 26/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình hệ thống cơ sở hạ tầng khu tái định cư Quốc lộ 2C, huyện S, ngày 31/12/2010, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 7445/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch và dự toán khảo sát, thiết kế quy hoạch khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C, với tính chất là khu dân cư nông thôn, phát triển theo xu hướng đổi mới, được đầu tư và quản lý theo quy hoạch với đầy đủ các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ nhân dân. Quá trình thực hiện, việc quy hoạch có điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với tình hình thực tế, nhưng không thay đổi tính chất của việc quy hoạch khu tái định cư dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Do đó dự án này được xác định là vì mục đích

phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường giải phóng mặt bằng một số công trình trên địa bàn huyện S, giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố và phân vị trí đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thì đất trồng cây hàng năm khu vực II, vị trí 1 là 39.000 đồng/m^2. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất: *"...Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất"*. Theo đó, hộ gia đình ông L được phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất là 9.933.300 đồng; về cây trồng, hoa màu, vật nuôi là 1.120.680 đồng; về chuyển đổi nghề cho hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp là 49.666.500 đồng; tổng cộng là 60.720.480 đồng là đúng quy định của pháp luật. Đối với đất bị thu hồi thì gia đình ông L bị thu hồi 254,7m^2 là một phần trong thửa đất có diện tích 327,4m^2 được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn L và bà Đặng Thị T ngày 29/5/2015; phần diện tích còn lại hiện nay gia đình ông L đang sử dụng. Ngoài ra, hộ ông L có tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng là 3.494,9m^2, nên tỷ lệ giữa đất nông nghiệp thu hồi và đất nông nghiệp đang sử dụng là 7,3% (254,7m^2/ 3.494,9m^2).

Như vậy, UBND huyện S áp dụng các chính sách bồi thường đối với hộ ông L là phù hợp với quy định tại Điều 75; Điều 90 Luật Đất đai năm 2013, Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 11, Điều 13 Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Việc UBND huyện S tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, Điều 4 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến về chữ ký, chữ viết tại biên bản kiểm kê đất đai và tài sản trên đất quy hoạch, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Ngày 06/9/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang có kết luận giám định số 773/GĐ-KTHS, nội dung kết luận về đối tượng giám định:

Các chữ ký "L", chữ viết ghi "Hoàng Văn L" dưới mục "CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT" và chữ ký (dạng chữ viết) "L" tại cuối các trang trên "BIÊN BẢN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT QUY HOẠCH Công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã S, huyện S đề ngày 22/3/2018 (ký hiệu A1) với chữ ký "L" trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M4 không phải do cùng một người ký và viết.

Chữ ký "L", chữ viết ghi tên "Hoàng Văn L" dưới mục "CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT" và chữ ký (dạng chữ viết) "L" tại cuối các trang trên "BIÊN BẢN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT QUY HOẠCH Công trình Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C xã N, huyện S đề ngày 22/3/2018 (ký hiệu A1) với chữ ký "L" trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 là do cùng một người ký và viết.

Các mẫu so sánh Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang gửi trưng cầu giám định do ông Hoàng Văn L cung cấp bao gồm:

- 01 "Đơn khởi kiện" ngày 18/8/2020 (kí hiệu M1) (bản chính);

- 01 "Bản tự khai" ngày 16/11/2020 (kí hiệu M2) (bản chính);

- 01 "Đơn đề nghị về trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết" của người khởi kiện ngày 30/7/2021 (kí hiệu M3) (bản chính);

- 01 Mẫu chữ ký người đề nghị trưng cầu giám định cung cấp tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang ngày 20/8/2021 (kí hiệu M4) (bản chính);

Như vậy, qua kết luận giám định thấy có 02 mẫu là 01 "Đơn khởi kiện" ngày 18/8/2020 (kí hiệu M1); 01 Mẫu chữ ký người đề nghị trưng cầu giám định cung cấp tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang ngày 20/8/2021 (kí hiệu M4) không phải do cùng một người ký và viết. 02 mẫu là 01 "Bản tự khai" ngày 16/11/2020 (kí hiệu M2); 01 "Đơn đề nghị về trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết" của người khởi kiện ngày 30/7/2021 (kí hiệu M3) là do cùng một người ký và viết. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu khác có trong hồ sơ như tại biên bản làm việc ngày 20/9/2019 của Thanh tra huyện S xác định chữ ký của các hộ dân trong biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất quy hoạch, ông Hoàng Văn L công nhận đúng chữ ký của vợ ký thay trong biên bản kiểm kê; UBND huyện S cũng đã xác định bà Đặng Thị T đại diện hộ ông Lâm tham gia kiểm kê đất đai và tài sản trên đất ngày 22/3/2018, bà T ký tên ông "L" trong biên bản kiểm kê. Do bà T là vợ ông Hoàng Văn L, là thành viên hộ gia đình có đất bị thu hồi đại diện hộ tham gia kiểm kê đất đai và tài sản trên đất là đảm bảo, đúng quy định của pháp luật, việc ông L không phải là người tham gia và ký biên bản cũng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông L và hộ gia đình ông L. Mặt khác, hộ gia đình ông L đã được nhận Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi đất và Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong các quyết định này đều thể hiện thửa đất, diện tích đất thu hồi, tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bồi thường về đất, về cây trồng, hoa màu, vật nuôi, về hỗ trợ chuyển đổi nghề cho hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất thu hồi và cây trồng trên đất giữa các quyết định phù hợp với nội dung Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản trên đất quy hoạch ngày 22/3/2018 đối với hộ gia đình ông Hoàng Văn L. Như vậy, quyền lợi hợp pháp của hộ gia đình ông Hoàng Văn L đã được bảo đảm.

Nhận định trên đây của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ.

[3.3] Từ những nhận định trên xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn L , giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: ông Hoàng Văn L phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0005156 ngày 12/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (theo đ/c);
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Lệ Nguyễn Tất Hồ Sỹ Hưng Nam